

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST

Ngày 26/01/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Hải Yến và ông Đặng Quang Tân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

**Đ diện viên kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2023/HS-ST ngày 15/12/2023
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐXX-ST ngày 11/01/2024 đối với
bị cáo:

Đậu Văn A; Giới tính Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1995; Nơi
ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An; Trình độ
học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt
Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Đậu Văn T; Con
bà: Nguyễn Thị H; Vợ: Lữ Thị A và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị
tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2023 đến ngày 22/9/2023 thì được tại ngoại, bị
áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2023 đến nay - Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 2003 – Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh
Nghệ An – Có mặt.

Anh Lê Quốc N – Sinh năm: 1999 – Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh
Nghệ An – Có mặt.

Anh Lê Anh P – Sinh năm: 2004 – Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện A, tỉnh
Nghệ An – Có mặt.

Anh Trần Công H – Sinh năm: 1991 - Trú tại: Xóm 8, xã Cát Văn, huyện
Thanh Chương, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

Anh Đậu Văn Đ – Sinh năm: 1985– Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh
Nghệ An – Vắng mặt.

Chị Lữ Thị A – Sinh năm: 2002– Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ
An – Có mặt.

Chị Vương Thị M – Sinh năm: 1985– Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1984– Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

Anh Lê Văn T – Sinh năm: 1990– Trú tại: Thôn 8, xã Tường Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 8 năm 2023, Nguyễn Văn T, Lê Quốc N và Đậu Văn A ngồi uống rượu với nhau tại thôn 6, xã H, huyện A thì T hỏi A: “Anh có biết chỗ nào có pháo không, lấy hộ cho em 3 cối” để về dùng vào dịp cưới em trai sắp tới, A trả lời: “Để anh xem đã”. Sau đó A đã nhờ anh Nguyễn Công H mua. Đến khoảng 19 giờ, ngày 10 tháng 09 năm 2023, A, N, T đang ngồi uống rượu tại nhà của T thì T tiếp tục hỏi A: “Pháo đã có chưa anh”, thì A trả lời: “Để về anh hỏi anh Đ xem có chưa (Đ là anh trai của A), có chi thì liên hệ với N”. Sau đó, A về nhà anh Đ, hỏi anh Đ là “anh H đã đưa pháo đến chưa”, thì anh Đ nói: “đưa đến rồi, để sau chuồng gà”. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 10/9/2023, A đi sang phía sau chuồng gà nhà Đ, sát với bờ rào nhà A lấy về 01 thùng cát tông màu nâu bên trong có 06 hộp pháo về cất giấu trong tủ quần áo tại nhà của A. Sau đó, N gọi điện hỏi A: “Có Pháo chưa” thì A trả lời: “Có rồi, đưa tiền vô mà lấy”, A nói “hết loại nhỏ rồi, còn loại to giá 1.000.000 đồng/01 hộp, có lấy thì vô mà lấy”. Lúc này T đang ở nhà N nên N đã nói lại với T thì T đồng ý mua 03 hộp pháo với giá 3.000.000 đồng, nhưng qua N là chỗ bạn bè chơi thân với nhau nên A chỉ lấy 2.900.000 đồng, T đã chuyển số tiền 2.900.000 đồng từ T khoản ngân hàng VietComBank của T số 9356076640 đến T khoản ngân hàng BIDV của N số 51110001042771.

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 9 năm 2023, N đi bộ sang nhà A để lấy pháo, A nói với N “Đưa tiền mặt để đưa cho họ luôn”, N nói: “Chuyển khoản” nên A đã nói N chuyển khoản vào số T khoản của vợ A là chị Lữ Thị A. Nên N đã chuyển từ T khoản của N số 51110001042771 sang T khoản ngân hàng BIDV số 5121271907 của Lữ Thị A số tiền 2.900.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, A đi vào phòng ngủ lấy 03 hộp pháo, đựng trong 01 thùng cattong màu nâu ra đưa cho N, còn 03 hộp, A cất giấu trong tủ quần áo để sử dụng nổ vào dịp tết. Sau đó, A sử dụng điện thoại và số T khoản ngân hàng của Lữ Thị A chuyển số tiền 2.700.000 đồng vào số T khoản ngân hàng BIDV số 5111037096 của chị Vương Thị M (là vợ của Đậu Văn Đ) và lấy 200.000 đồng tiền mặt đưa cho Lữ Thị A, nói chị A mang sang nhà đưa cho chị M đủ số tiền 2.900.000 đồng, chị M có hỏi A số tiền này nhưng A không nói cho chị M biết là tiền pháo.

Sau khi lấy được Pháo từ Đậu Văn A, Lê Quốc N đi bộ mang thùng cattong màu nâu bên trong có 03 hộp pháo hoa đến nhà đưa cho Nguyễn Văn T, T mang

số pháo này cất giữ trong nhà. Sau đó T gọi điện cho Lê Anh P (là bạn của T, vì trước đó P có nhờ T tìm và mua hộ 02 hộp Pháo để sử dụng) đến lấy Pháo. Nghe T gọi, P điều khiển xe mô tô EXITER màu xanh, biển kiểm soát, 37M1- 115-93 đến nhà T, T lấy 02 hộp pháo đưa cho P, P đưa về nhà cất giữ trong tủ bếp của nhà mình. Còn 01 hộp pháo còn lại T cất dấu lại vào tủ quần áo để sử dụng vào dịp tết.

Đến A ngày 13 tháng 09 năm 2023, nhận thức được hành vi tàng trữ Pháo là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Văn T đã mang 01 (một) hộp pháo hoa đến Công an huyện A để giao nộp, khai nhận rõ hành vi của mình. Cùng ngày, Lê Anh P, Đậu Văn A, Lê Quốc N cũng đến Công An huyện A xin đầu thú và khai nhận rõ hành vi tàng trữ pháo và nộp lại các hộp pháo cho Công An huyện A (Bút lục 131- 158, 106 - 124).

***Vật chứng thu giữ:**

+ Thu giữ của Đậu Văn A: 03 (Ba) khối hình hộp chữ nhật, trên mỗi khối có mặt ngoài in chữ nước ngoài, nhiều màu sắc; kích thước mỗi khối là (14x14x13)cm, bên trong mỗi khối có 36 (Ba mươi sáu) thỏi hình trụ tròn, giống nhau, được gắn liên kết với nhau (nghỉ là pháo nổ) (Bút lục 11,12).

+ Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01(một) khối hình hộp chữ nhật, trên mỗi khối có mặt ngoài in chữ nước ngoài, nhiều màu sắc; kích thước (14x14x12)cm, bên trong có 36 (Ba mươi sáu) thỏi hình trụ tròn, giống nhau, được gắn liên kết với nhau (nghỉ là pháo nổ); 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, gắn số sim 0356076640 (đã qua sử dụng) (Bút lục 34, 35).

+ Thu giữ của Lê Anh P: 02 (hai) khối hình hộp chữ nhật, trên mỗi khối có mặt ngoài in chữ nước ngoài, nhiều màu sắc; kích thước mỗi khối là (14x14x12)cm, bên trong mỗi khối có 36 (Ba mươi sáu) thỏi hình trụ tròn, giống nhau, được gắn liên kết với nhau (nghỉ là pháo nổ); 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, mặt phía sau màu xanh, có số IMEI: 3506185481122767, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng (Bút lục 37,38).

+ Thu giữ của Lê Quốc N: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno8 4G, màu đen, số IMEI 1: 868574064366631, số IMEI 2: 868574064366623, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng (Bút lục 39-42).

+ Thu giữ của Vương Thị M: Số tiền 2.900.000 đồng (là tiền Đậu Văn A chuyển cho M để gửi trả cho anh trai là Đậu Văn Đ (Bút lục 82,83).

+ Thu giữ của Lữ Thị A: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại A12, màu xanh, số IMEI 1: 864736049846652, gắn 02 số sim, 0388666546 và 0373037694, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng (Bút lục 90,91).

Ngày 13/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại, Hội đồng mở niêm phong - Công an huyện A đã xác định được: 03 khối hình hộp chữ nhật (nghỉ là pháo nổ) thu giữ của Đậu Văn A có tổng khối lượng là 3,544kg; 02 khối hình hộp chữ nhật (nghỉ là pháo nổ) thu giữ của Lê

Anh P có khối lượng 2,406kg; 01 hình hộp chữ nhật (nghĩ là pháo nổ) thu giữ của Nguyễn Văn T có khối lượng 1,223kg.

Tổng khối lượng pháo nổ thu giữ được của cả 03 đối tượng là: 7,173kg (Bảy phẩy một trăm bảy mươi ba kilôgam).

Cơ quan điều tra đã lấy 01 hộp, có khối lượng 1,201 kg trong số 02 hộp thu giữ của Lê Anh P; 01 hộp thu giữ của Nguyễn Văn T có khối lượng 1,223kg; 01 hộp, khối lượng 1,98 kg trong 03 hộp thu giữ của Đậu Văn A niêm phong lại, ký hiệu lần lượt là M1, M2, M3, gửi phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An để trưng cầu giám định. Tổng số 03 hộp gửi giám định có khối lượng là 3,622kg, 03 hộp còn lại có khối lượng 3,551kg, được niêm phong, bảo quản tại Kho vật chứng của Công an huyện A, tỉnh Nghệ An theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 223/KL-KTHS(Đ2-CN) ngày 18/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Các mẫu vật (ký hiệu M1; M2 và M3) gửi tới giám định đều là pháo, đều thuộc loại pháo nổ”. Mẫu cần giám định đã được sử dụng hết trong quá trình giám định (Bút lục 67-72).

- Xử lý vật chứng:

+ Đối với điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định, điện thoại là của chị Nguyễn Thị H (là mẹ của T), việc T dùng điện thoại của chị H để liên lạc lấy hộ Pháo chị không biết nên cơ quan điều tra đã làm thủ tục trả lại cho chị H (Bút lục 104,105).

+ Đối với điện thoại thu giữ của Lê Quốc N, quá trình điều tra, sau khi kiểm tra, khai thác các thông tin liên quan đến vụ án, xét hành vi của N không cấu thành tội phạm và việc trả lại T sản không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Quốc N (Bút lục 98- 103);

+ Đối với điện thoại thu giữ của Lê Anh P, quá trình điều tra, sau khi kiểm tra, khai thác các thông tin liên quan đến vụ án, xét hành vi của P không cấu thành tội phạm và việc trả lại T sản không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Anh P(bút lục 105a, 105b);

+ Đối với điện thoại thu giữ của chị Lữ Thị A, quá trình điều tra xác định điện thoại là của chị A, việc Đậu Văn A dùng điện thoại của chị để nhận, chuyển tiền mua pháo chị không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị A, còn thẻ sim số 0388666546 do Đậu Văn A sử dụng trong quá trình phạm tội, Cơ quan điều tra đã niêm phong lại lưu vào hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định (Bút lục 90 -97, 175,)

+ Đối với số tiền 2.900.000 đồng thu giữ của chị Vương Thị M, quá trình điều tra xác định đây là số tiền là do vi phạm pháp luật mà có, do vậy cơ quan điều tra đã làm thủ tục tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện A để xử lý theo quy định (Bút lục 81- 89).

Tại Cơ quan điều tra Đậu Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS-AS ngày 13/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Đậu Văn A về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c, khoản 1, Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An giữ N quyết định truy tố bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: Điểm c, khoản 1 Điều 191, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đậu Văn A từ 50.000.000 đồng – 55.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Lưu tại hồ sơ vụ án: Thẻ sim số 0388666546 của Đậu Văn A.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.900.000 đồng thu giữ của chị Vương Thị M.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 hộp pháo nổ thu giữ của Đậu Văn A và các đối tượng.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất như quan điểm của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo nói: Hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, hối cải, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng đều thực hiện đúng pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của họ. Việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đậu Văn A khai nhận:

Vào khoảng giữa tháng 8 năm 2023, Nguyễn Văn T nhờ bị cáo tìm mua 03 hộ pháo để sử dụng trong dịp cưới em trai nên bị cáo đã nhờ anh Nguyễn Công H mua hộ. Đến ngày 10/9/2023, bị cáo biết anh H đã đưa pháo đến gửi tại nhà anh Đậu Văn Đ. Nên vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 10/9/2023, bị cáo đi

vào sau chuồng gà nhà Đ lấy 01 thùng cát tông màu nâu bên trong có 06 hộp pháo đưa về nhà bị cáo tại thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An cất giấu. Sau đó Lê Quốc N đến lấy cho Nguyễn Văn T 03 hộp pháo nổ do T nhờ bị cáo mua trước đó, T nhờ N chuyển cho bị cáo số tiền 2.900.000 đồng; 03 hộp pháo còn lại bị cáo giữ lại để sử dụng vào dịp tết nguyên đán. Đến ngày 13/9/2023, khi biết Nguyễn Văn T đến Công an đầu thú nên bị cáo cũng đến Công an huyện A, tỉnh Nghệ An đầu thú, giao nộp số pháo bị cáo đang tàng trữ và khai nhận hành vi tàng trữ trái phép pháo nổ của bị cáo. Tổng khối lượng pháo nổ bị cáo tàng trữ là 7,173 kg.

Tại Kết luận giám định số 223/KL-KTHS(Đ2-CN) ngày 18/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Các mẫu vật (ký hiệu M1; M2 và M3) gửi tới giám định đều là pháo, đều thuộc loại pháo nổ; Mẫu cần giám định đã được sử dụng hết trong quá trình giám định”.

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Đậu Văn A đã phạm tội: “Tàng trữ hàng cấm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại không lớn cho xã hội nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà Nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh hàng cấm là pháo nổ. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đầu thú về hành vi phạm tội của mình; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt.

Xét hành vi của bị cáo là tàng trữ pháo nổ chỉ nhằm mục đích mua hộ cho bạn sử dụng trái phép và nhu cầu sử dụng trái phép vào dịp tết N đán, không có mục đích buôn bán hay mục đích trái phép khác. Tuy nhiên, chưa sử dụng thì bị cáo và các đối tượng đã tự nguyện đầu thú và giao nộp toàn bộ số pháo đã tàng trữ nên đã ngăn chặn được tác hại đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt là phạt tiền như đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo bị xem xét hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về hành vi liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo:

- Đối với người đàn ông bán pháo nổ cho bị cáo, trong quá trình điều tra không có căn cứ để xác định lai lịch căn cước nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với Nguyễn Văn T: Là người nhờ Đậu Văn A mua 03 hộp pháo nổ có khối lượng 3,629 kg để về sử dụng; Lê Quốc N là người đã giúp sức cho Nguyễn Văn T lấy 03 hộp pháo có khối lượng 3,629 kg từ Đậu Văn A; Nguyễn Văn T đã để lại cho Lê Anh P 02 hộp pháo có khối lượng là 2,406 kg để P về sử dụng. Xét khối lượng Pháo nổ mà T, N, P tàng trữ không đủ định lượng cấu thành tội phạm, nên Công an huyện A đã lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND huyện A ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn T, Lê Quốc N, Lê Anh P (Bút lục 160-163).

- Đối với chiếc xe máy EXITER màu xanh, biển kiểm soát, 37M1- 115.93 mà Lê Anh P đã sử dụng để đi lấy Pháo tại nhà Nguyễn Văn T và chở pháo về nhà P. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe là của anh Lê Văn T, nơi Lê Anh P làm việc, việc P mượn xe của T sử dụng đi mua Pháo anh T không biết, nên CQCSĐT Công an huyện A không xử lý anh T là đúng pháp luật.

- Đối với Lữ Thị A: Là người cho Đậu Văn A sử dụng điện thoại và T khoản ngân hàng để sử dụng, quá trình điều tra xác định chị A không biết Đậu Văn A sử dụng điện thoại để phạm tội, do vậy không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm đối với chị Lữ Thị A.

- Đối với chị Vương Thị M: Là người nhận được số tiền 2.900.000 đồng mà Đậu Văn A chuyển đến, quá trình điều tra xác định được chị M không biết gì về số tiền này, do vậy không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm đối với chị Vương Thị M.

- Về nguồn gốc số pháo mà bị cáo Đậu Văn A tàng trữ, bị cáo khai là nhờ anh Nguyễn Công H mua và anh H đã gửi cho anh Đậu Văn Đ, anh Đ đã cất dấu sau chuồng gà nhà anh Đ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa anh H không thừa nhận và bị cáo không có T liệu chứng cứ để chứng minh là nhờ anh H mua pháo cho bị cáo. Quá trình điều tra, Đậu Văn Đ không có mặt tại địa P và việc Nguyễn Công H khai có gửi cho Đậu Văn Đ 6 hộp pháo (Khoảng tháng 4/2023 gửi 02 hộp; khoảng đầu tháng 8/2023 gửi 04 hộp). Tuy nhiên, quá trình điều tra không có căn cứ để xác định 06 hộp pháo A tàng trữ có nguồn gốc là 06 hộp pháo H gửi cho Đ và H cũng không thừa nhận liên quan đến 06 hộp pháo do A tàng trữ. Nên không có căn cứ xác định số lượng pháo A tàng trữ có nguồn gốc là do H mua. Để đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện A đã tách việc xác định nguồn gốc số pháo do A tàng trữ và số pháo do Nguyễn Công H gửi Đậu Văn Đ thành một nguồn tin về tội phạm riêng để tiếp tục điều tra, xử lý là đúng quy định pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Thu giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, gắn số sim 0356076640, quá trình điều tra xác định, điện thoại là của chị Nguyễn Thị H (là mẹ của T), việc T dùng điện thoại của chị H để liên lạc lấy hộ pháp chị H không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là đúng quy định của pháp luật.

- Thu giữ của Lê Anh P 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, mặt phía sau màu xanh, có số IMEI: 3506185481122767, quá trình điều tra xác định hành vi của Lê Anh P không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh P là đúng quy định của pháp luật; Đối với chiếc xe máy EXITER màu xanh, biển kiểm soát, 37M1- 115.93 của anh Lê Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho anh Lê Văn T là đúng pháp luật.

- Thu giữ của Lê Quốc N: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno8 4G, màu đen, số IMEI 1: 868574064366631, số IMEI 2: 868574064366623, quá trình điều tra xác định hành vi của Lê Quốc N không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh P là đúng quy định của pháp luật.

- Thu giữ của Lữ Thị A: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại A12, màu xanh, số IMEI 1: 864736049846652, gắn 02 số sim, 0388666546 và 0373037694, quá trình điều tra xác định điện thoại là của chị A, việc Đậu Văn A dùng điện thoại của chị để nhận, chuyển tiền mua pháo chị không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị A là đúng quy định của pháp luật.

- Thu giữ của Đậu Văn A 2 hộp pháo nổ, Nguyễn Văn T 01 hộp pháo nổ, Lê Anh P 02 hộp pháo nổ, tổng cộng là 6 hộp pháo nổ, có tổng khối lượng là: 7,173 kg. Trong quá trình điều tra đã sử dụng giám định hết 03 hộp, có khối lượng 3,622kg, số pháo nổ còn lại là: 03 hộp, có khối lượng 3,551kg là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Thẻ sim 0388666546 của Đậu Văn A cần tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

- Số tiền 2.900.000 đồng thu giữ của chị Vương Thị M là tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Đậu Văn A phạm tội: “Tàng trữ hàng cấm”.

2/ Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- **Áp dụng:** Điểm c, khoản 1 Điều 191; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Đậu Văn A 52.000.000 đồng.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Lưu tại hồ sơ vụ án: Thẻ sim số 0388666546 của Đậu Văn A

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 2.900.000 đồng thu giữ của chị Vương Thị M (Theo biên bản giao nhận T sản giữa Công an huyện A và Kho bạc nhà nước huyện A ngày 20/11/2023).

- Tịch thu tiêu hủy: 03 hộp pháo hoa nổ (Theo Lệnh nhập kho vật chứng ngày 16/11/2023 và Phiếu nhập kho vật chứng ngày 16/11/2023 của Công an huyện A, tỉnh Nghệ An.).

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đậu Văn A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo, Người CQLNVLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

